

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HS - ST

Ngày: 15/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Chính;
Ông Vi Thanh Cầm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Bà Nông Thị Quế, Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2023/TLST- HS, ngày 09/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HS ngày 03/11/2023 đối với bị cáo:

Đỗ Hoàng T (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 25/6/1967 tại tỉnh HN; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn CM, xã VL, huyện NR, tỉnh BK; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T (đã chết) và Trần Thị T (đã chết); Bị cáo có vợ là Hoàng Thị N, sinh năm 1968; Có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1995. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2023 đến ngày 18/5/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1968. Trú tại: Thôn CM, xã VL, huyện NR, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Ông Lưu Ngọc B, sinh năm 1962. Trú tại: Tổ nhân dân HD, thị trấn YL, huyện NR, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Chị Lương Thị L, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn NL, xã LT, huyện NR, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

4. Ông Lô Xuân Đ, sinh năm 1965. Trú tại: Thôn NK, xã DS, huyện NR, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

5. Ông Luân Văn H, sinh năm 1962. Trú tại: Thôn NM, xã DS huyện NR, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

6. Ông Đình Văn K, sinh năm 1978. Trú tại: Thôn PĐ, thị trấn YL, huyện NR, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

7. Anh Bé Mạnh T, sinh năm 1989. Trú tại: Tổ nhân dân PB, thị trấn YL, huyện NR, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT) Công an tỉnh Bắc Kạn nhận được tin báo, về việc Đỗ Hoàng T có cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất cao. Hồi 14 giờ 25 phút cùng ngày, CQCSĐT Công an tỉnh đã phối hợp với cơ quan chức năng huyện Na Rì tiến hành kiểm tra nhà ở của T, thấy: T và ông Bé Mạnh T đang ngồi ở bàn uống nước. Ông T khai nhận, bản thân đến nhà T để trả 02 tháng tiền lãi về khoản vay 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) ngày 10/02/2023, với tiền lãi thỏa thuận là 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng. CQCSĐT đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, nơi ở, địa điểm, phương tiện có liên quan đối với T tại thôn CM, xã VL, huyện NR. Kết quả, phát hiện tạm giữ nhiều giấy tờ, tài liệu và đồ vật liên quan đến việc cho nhiều người vay tiền.

Quá trình điều tra đối với Đỗ Hoàng T xác định, từ năm 2012 T làm kinh doanh dịch vụ cầm đồ, trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến tháng 02/2023, T đã cho nhiều người khác vay tiền có thỏa thuận lãi suất, thu lãi suất cao và vượt quá 05 lần lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

1. Ngày 15/01/2018, Đỗ Hoàng T cho bà Lương Thị L vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và thỏa thuận trả tiền lãi là 2.700.000đ (hai triệu, bảy trăm nghìn đồng)/tháng, tương đương 108% (một trăm linh tám phần trăm)/năm. Thỏa thuận cứ 02 tháng bà L trả lãi một lần cho T là 5.400.000đ (năm triệu, bốn trăm nghìn đồng). Bà L đã trả tiền lãi cho T được 19 tháng từ ngày vay đến ngày 28/8/2019 là lần trả tiền lãi cuối cùng, tổng số tiền lãi đã trả là 51.300.000đ (năm mươi một triệu, ba trăm nghìn đồng). Đối với khoản vay này, bà L chưa trả nợ gốc. T thu lợi bất chính là: 41.800.000đ (bốn mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng), sau khi đã trừ đi số tiền lãi được tính theo quy định. Ngày 28/8/2019, bà L vay thêm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tổng số tiền vay là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và thỏa thuận trả lãi là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng, tương đương lãi suất 75% (bảy mươi năm phần trăm)/năm. Đến nay, bà L đã trả 10 tháng tiền lãi và vẫn chưa trả nợ gốc. Các lần trả lãi bà L đều chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng Agribank của Thám.

2. Ngày 18/7/2021, Đỗ Hoàng T cho ông Lưu Ngọc B vay số tiền 15.000.000đ (mười năm triệu đồng), thỏa thuận trả tiền lãi là 1.350.000đ (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng, tương đương 108% (một trăm linh tám phần trăm)/năm. Ông B đã trả tiền lãi 18 tháng, từ tháng 8/2021 đến tháng 01/2023, với tổng số tiền là 24.300.000đ (hai mươi tư triệu, ba trăm nghìn đồng) và trả được 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền nợ gốc. Từ tháng 02/2023, ông B còn nợ 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền nợ gốc, mỗi tháng ông B phải trả lãi là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng)/tháng tương đương 108% (một trăm linh tám phần trăm)/năm, đã trả tiền lãi 03 tháng, lần cuối trả lãi là ngày 26/4/2023, tổng tiền lãi là 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Đối với khoản vay này, sau khi trừ đi số tiền lãi phát sinh theo quy định, T thu lợi bất chính 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng). Các lần trả lãi, ông B đều chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng Agribank của T. Đến nay, ông B đã trả hết nợ gốc, T đã trả hết số tiền thu lợi bất chính cho ông B.

3. Ngày 05/8/2021, Đỗ Hoàng T cho ông Lô Xuân Đ vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), thỏa thuận hàng tháng ông Đ trả tiền lãi là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng)/tháng, tương đương 108% (một trăm linh tám phần trăm)/năm. Ông Đ đã trả lãi được 03 tháng (tháng 9, 10, 11/2021) với tổng số tiền là 2.700.000đ (hai triệu, bảy trăm nghìn đồng). Trừ đi lãi suất theo quy định của khoản vay Đỗ Hoàng T thu lợi bất chính là: 2.200.000đ (hai triệu, hai trăm nghìn đồng). Đến ngày 30/11/2021, ông Đ vay thêm với T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), tổng vay nợ là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thỏa thuận trả lãi là 1.800.000đ (một triệu, tám trăm nghìn đồng)/tháng. Ông Đ trả tiền lãi đầy đủ trong 16 (mười sáu) tháng, từ tháng 12/2021 đến tháng 3/2023 (lần cuối thanh toán tiền lãi là ngày 09/4/2023), với tổng số tiền lãi là: 28.800.000đ (hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng). Đối với khoản vay này, trừ đi lãi suất theo quy định, T thu lợi bất chính 23.466.667đ (hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Các lần trả tiền lãi ông Đ đều chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Agribank của T. Đến nay, ông Đ đã trả hết nợ gốc, T đã trả hết số tiền thu lợi bất chính cho ông Đ.

4. Ngày 05/8/2021 Đỗ Hoàng T cho ông Luân Văn H vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và thỏa thuận trả lãi suất là 1.800.000đ (một triệu, tám trăm nghìn đồng)/tháng, tương đương 108% (một trăm linh tám phần trăm)/năm. Ông H đã trả tiền lãi 20 tháng từ tháng 9/2021 đến tháng 4/2023, lần cuối thanh toán tiền lãi là ngày 09/4/2023, với tổng số tiền lãi là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng). Đối với khoản vay này, sau khi trừ đi số tiền lãi theo quy định, T thu lợi bất chính 29.333.333đ (hai mươi chín triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng). Các lần trả tiền lãi ông H đều chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Agribank của T. Đến nay, ông H đã trả hết nợ gốc, T đã trả hết số tiền thu lợi bất chính cho ông H.

5. Ngày 18/7/2022, Đỗ Hoàng T cho ông Đình Văn K vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) thỏa thuận trả tiền lãi là 1.800.000đ (một triệu, tám trăm nghìn đồng)/tháng, tương đương 108% (một trăm linh tám phần trăm)/năm. Ông

K đã trả tiền lãi 09 tháng, từ tháng 8/2022 đến tháng 4/2023, lần cuối thanh toán tiền lãi là ngày 07/5/2023, với tổng số tiền lãi là 16.200.000đ (mười sáu triệu, hai trăm nghìn đồng). Trừ đi lãi suất theo quy định, T thu lợi bất chính 13.200.000đ (mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng). Ngày 31/12/2022, ông K tiếp tục vay với T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thỏa thuận trả lãi là 1.800.000đ (một triệu, tám trăm nghìn đồng)/tháng, tương đương 108% (một trăm linh tám phần trăm)/năm. Ông K trả tiền lãi 01 tháng, đến 31/01/2023 thì trả hết cả gốc và lãi là 21.800.000đ (hai mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng). Đối với khoản vay này, bị can Đỗ Hoàng T thu lợi bất chính là: 1.466.667đ (một triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Các lần trả lãi ông K đều chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng Agribank của T. Đến nay, ông K đã trả hết nợ gốc, T đã trả hết số tiền thu lợi bất chính cho ông K.

6. Ngày 10/02/2023, Đỗ Hoàng T cho ông Bế Mạnh T vay số tiền 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) và thỏa thuận trả tiền lãi là 1.350.000đ (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng, tương đương 108% (một trăm linh tám phần trăm)/năm. Ông T đã trả tiền lãi 01 tháng vào ngày 10/3/2023 qua tài khoản ngân hàng Agribank của T. Chiều ngày 09/5/2023, T đến nhà T để trả 02 tháng tiền lãi (tháng 4, 5/2023), ông T chưa kịp đưa tiền thì tổ công tác kiểm tra phát hiện sự việc. Đối với khoản vay này, Đỗ Hoàng T thu lợi bất chính là: 1.100.000đ (một triệu, một trăm nghìn đồng). Đến nay, ông T đã trả hết nợ gốc, T đã trả hết số tiền thu lợi bất chính cho ông T.

Tổng cộng, Đỗ Hoàng T đã thu lợi bất chính của 06 cá nhân trên với tổng số tiền là 134.566.667đ (một trăm ba mươi tư triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngày 01/6/2023 CQCSĐT Công an tỉnh ra lệnh phong tỏa tài khoản của Đỗ Hoàng T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, trong tài khoản có số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra, bị cáo Đỗ Hoàng T đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân, lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số: 42/CT-VKSBK-P1 ngày 05/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Đỗ Hoàng T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự (BLHS), điều luật có nội dung:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Phạt tiền là hình phạt chính số tiền từ 220.000.000đ đến 300.000.000đ. Cấm đảm nhiệm dịch vụ cầm đồ từ 2 đến 3 năm. Áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến tháng 02/2023, Đỗ Hoàng T kinh doanh dịch vụ cầm đồ và đã cho Lương Thị L, Lưu Ngọc B, Lô Xuân Đ, Luân Văn H, Đinh Văn K và Bé Mạnh T vay tổng số tiền 190.000.000đ (một trăm, chín mươi triệu đồng). Trong đó, có số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) T thỏa thuận tính tiền lãi suất 108% (một trăm linh tám phần trăm)/năm, đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 134.566.667đ (một trăm ba mươi tư triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), sau khi đã trừ đi 20% mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Hành vi của bị cáo cho vay tiền với mức lãi suất cao gấp 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính số tiền từ 100 triệu đồng trở lên, đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS. Việc cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi bị cáo thực hiện là nguyên hiềm cho xã hội, vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và "Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả" theo quy định tại điểm i, s và b khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, năm 2021 bị cáo còn được Ủy ban nhân dân xã VL tặng Giấy khen trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới; năm 2005 được Cục thuế tỉnh BK tặng Giấy khen đã có thành tích chấp hành tốt các chính sách Thuế; bị cáo có bố đẻ là ông Đỗ Văn T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì và được những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trên cơ sở xem xét toàn diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Thấy rằng, bị cáo lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, động cơ mục đích phạm tội là vì vụ lợi. Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính. Do đó, để đảm bảo tuân thủ nguyên tắc và nhằm thu hồi các khoản tiền vi phạm về cho Ngân sách Nhà nước, HĐXX thấy cần thiết áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ thường phát sinh tội phạm "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là cầm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn nhất định.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều không đề nghị giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc của khoản vay, xác định đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, khoản tiền gốc đã được người liên quan trả cho bị cáo, thì bị cáo phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách. Khoản tiền gốc người liên quan nào chưa trả cho bị cáo, thì cần buộc người liên quan đó phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Bị cáo Đỗ Hoàng T phải có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 110.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước, do đã được những người liên quan trả cho bị cáo gồm:

Ông Lưu Ngọc B đã trả 15.000.000 đồng; ông Lô Xuân Đ đã trả 20.000.000 đồng; ông Luân Văn H đã trả 20.000.000 đồng; ông Đình Văn K đã trả 40.000.000 đồng và ông Bé Mạnh T đã trả 15.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền bị cáo đã thu lợi bất chính xác định những người vay đều vay tiền với mục đích hợp pháp. Do đó, cần buộc bị cáo phải trả lại khoản thu lợi bất chính cho những người liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho những người liên quan, cụ thể: Đã trả ông Lưu Ngọc B; ông Lô Xuân Đ; ông Luân Văn H; ông Đình Văn K; ông Bé Mạnh T, những người này có văn bản xác nhận và không yêu cầu giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét. Đối với khoản thu lợi bất chính của bà Lương Thị L, cần buộc bị cáo trả lại cho bà L.

Đối với khoản tiền lãi 20% theo quy định là 30.583.333 đồng, cần buộc bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước, vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản của bị cáo tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, với số tiền 80.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 49.000.000 đồng tạm giữ của bị cáo. Quá trình điều tra xác định là tiền của vợ chồng bị cáo do kinh doanh quán ăn mà có, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung của bị cáo. Quá trình điều tra xác định bị cáo sử dụng điện thoại trên để liên lạc với những người liên quan, trao đổi về việc cho vay tiền. Do vậy, cần tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 07 (bảy) quyển sổ các loại, gồm: 06 quyển sổ có nội dung nhiều người viết giấy vay nợ và 01 quyển sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ của cơ sở kinh doanh Hoàng T, là vật chứng liên quan đến vụ án, cần chuyển lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của Công an huyện Na Rì; 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Xét thấy, không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 giấy biên nhận vay tiền tên Lô Xuân Đ; 01 giấy biên nhận vay tiền tên Luân Văn H; 01 giấy biên nhận vay tiền tên Lưu Ngọc B; 03 giấy biên nhận vay tiền tên Nông Văn S và Lương Thị L, kèm theo 02 tờ giấy đề xuất vay tiền có xác nhận, 01 tờ giấy ghi chép chữ và số, là vật chứng của vụ án, cần chuyển lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra xác định các đồ vật tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý như sau:

- Trả lại cho Bé Mạnh T số tiền 2.700.000đ (hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) do ông T giao nộp cho Cơ quan điều tra ngày ngày 09/5/2023.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Hoàng T các đồ vật, tài liệu không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật, gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số CB 001413 mang tên Nông Văn S và Nông Thị H, địa chỉ: thôn NT, xã HN, huyện NR, tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 01/5/2023 tên người vay: Nông Văn S và Nông Thị H; số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số DB 006123 mang tên Lý Thị N, địa chỉ: thôn CC, xã VL, huyện NR, tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 01/3/2023 tên người vay: Lý Thị N; số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); 01 thẻ căn cước công dân số 035067005434 ghi tên Đỗ Hoàng T; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 827041, AG 827042 mang tên Phô Xuân C và Hoàng Thị T, địa chỉ: thôn ĐT, xã KL, huyện NR, tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 26/12/2022 ghi tên người vay: Phô Mạnh L và Đinh Thị T; số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 11/5/2022 ghi tên Đinh Thị H, địa chỉ: trường THCS YL kèm 01 bằng tốt nghiệp của Đại học sư phạm Thái Nguyên; số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 801565 mang tên Hoàng Trung D và Vi Thị H, địa chỉ: tổ nhân dân PB, thị trấn YL, huyện NR, tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 28/8/2022 ghi tên người vay: Hoàng Trung D và Vi Thị H; số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 840721 mang tên Triệu Thu T, địa chỉ: tổ nhân dân PĐ, thị trấn YL, huyện NR, tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 14/4/2022 ghi tên người vay: Triệu Thu T; số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 236752 mang tên Nguyễn Duy H và Nông Thị S địa chỉ: thôn BV, xã KH huyện NR, tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 14/02/2022 ghi tên người vay: Nguyễn Duy H và Vương Thị P; số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 774580 mang tên Nông Thiêm L và Nông Thị N, địa chỉ: thôn VK, xã LT, huyện NR, tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 04/5/2023 tên người vay: Nông Thiêm L và Nông Thị N; số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 483572 mang tên Triệu Kiềm Q và Triệu Thị P, địa chỉ: thôn CT, xã MT, huyện BT, tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 14/01/2022 ghi tên người vay: Triệu Văn S và Tạ Thị L; số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 852894 mang tên Mạn Việt T và Hoàng Thị H, địa chỉ: thôn KNII, thị trấn YL, huyện NR tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 05/7/2021 ghi tên người vay: Mạn Việt T và Hoàng Thị H; số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 841500 mang tên Phan Thị Đ, địa chỉ: thôn ND, xã VL, huyện NR, tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 05/7/2021 ghi tên người vay: Phan Thị Đ; số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 507468 mang tên Hoàng Thị Đ, địa chỉ: thôn PK, xã ST, huyện NR, tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 04/11/2021 ghi tên người vay: Hoàng Thị Đ; số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 820259 mang tên Hoàng Văn T và Ngô Thị C, địa chỉ: thôn KN, xã LT, huyện NR, tỉnh BK kèm 01 giấy vay tiền ngày 22/8/2019 ghi tên người vay: Hoàng Văn T và Ngô Thị C; số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Chuyển lại cho Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn tiếp tục quản lý các đồ vật, tài liệu trong thời gian chờ các bên giải quyết dân sự với nhau theo đề nghị của bị cáo Đỗ Hoàng T: 02 giấy biên nhận vay tiền ghi tên Nông Văn N, địa chỉ: tổ nhân dân GD, thị trấn YL, huyện NR, tỉnh BK ngày 23/12/2018 (vay 15.000.000 đồng), 27/3/2019 (vay 10.000.000 đồng) kèm theo: 01 bản Quyết định công nhận Đảng viên chính thức số 127 ngày 04/4/2016 của Đảng ủy Công an tỉnh Bắc Kạn, 01 bản Quyết định về việc phân công cán bộ số 435 ngày 01/11/2018 của Công an huyện Na Rì và 01 giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tương đương trình độ Sơ cấp lý luận chính trị số A0015832 ngày 20/4/2018 của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I Bộ Công an; 03 giấy biên nhận vay tiền ghi tên Lô Xuân N và Hoàng Thị D, địa chỉ: Kho bạc Nhà nước huyện NR ngày 30/8/2018 (vay 30.000.000 đồng), 28/6/2018 (vay 100.000.000 đồng), 14/6/2019 (vay 100.000.000 đồng); 01 giấy biên nhận vay tiền ghi tên Hoàng Văn X, địa chỉ: thị trấn YL, huyện Nì, tỉnh BK ngày 09/11/2019, số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); 01 giấy biên nhận vay tiền ghi tên Sầm Văn Đ, Lành Thị L; địa chỉ: thôn BS, xã VL, huyện NR, tỉnh BK ngày 26/02/2019, số tiền 130.000.000đ (một trăm, ba mươi triệu đồng) kèm theo 01 hợp đồng mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/02/2019 và 01 tờ giấy A4 có nội dung chữ viết tay.

Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Trong vụ án còn có:

- Ông Lô Xuân N, sinh năm 1969 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1974, cùng trú tại: tổ nhân dân PB, thị trấn YL, huyện NR, tỉnh BK trình bày, năm 2015 có vay của Đỗ Hoàng T số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) với lãi suất là 3.000đ (ba nghìn đồng)/1.000.000 đồng/ngày. Quá trình điều tra xác định T cho hai vợ chồng N, D vay 30.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất tương đương 108% (một trăm linh tám phần trăm)/năm. Giao dịch vay tiền của T và N, D đã thực hiện trong năm 2015 và năm 2016 đã trả hết tiền. Hành vi của T có dấu hiệu của tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định.

- Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn nhận được đơn tố giác của bà Lành Thị L, sinh năm 1967, trú tại thôn BS, xã VL, huyện NR, tỉnh BK về việc vay của Đỗ Hoàng T số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) vào ngày 26/02/2019 và thỏa thuận trả lãi 19.500.000đ (mười chín triệu, năm trăm nghìn đồng)/tháng tương đương 180% (một trăm tám mươi phần trăm)/năm. Bà L trình bày đã trả lãi được 13.500.000đ (mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền lãi, do khó khăn nên không tiếp tục trả được nợ gốc và trả thêm tiền lãi cho T. Bị cáo T cung cấp được 01 tờ giấy ghi chép việc trả lãi của khoản vay trên (có chữ ký xác nhận của ông Sầm Văn Đ, chồng bà L) và khai chỉ được thu tiền lãi là 7.800.000đ (bảy triệu, tám trăm nghìn đồng)/tháng. Việc vay khoản tiền nêu trên có sự chứng kiến của ông Sầm Văn T, bà Lý Thị D trú tại thôn BS, xã VL, huyện NR tỉnh BK (con trai, con dâu của bà L). Tuy nhiên, bà D và ông T hiện đang xuất

khẩu lao động tài Đài Loan, nên chưa tiến hành làm việc được. Quá trình điều tra xác định, ngoài lời khai của bà L, ông Đ về lãi suất vay 180% (*một trăm tám mươi phần trăm*)/năm, Cơ quan điều tra không thu thập được chứng cứ, tài liệu nào khác chứng minh việc thỏa thuận như ông Đ, bà L trình bày. Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý và đã trả lời đơn và đề nghị hai bên thỏa thuận dân sự với nhau để thực hiện hợp đồng vay tiền đúng quy định, trường hợp không thống nhất được có thể khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền là đúng quy định.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Hoàng T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s và b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS. Phạt tiền bị cáo Đỗ Hoàng T 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS. Cấm bị cáo Đỗ Hoàng T kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn 02 (hai) năm.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 BLHS.

3.1. Buộc bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại ngân sách Nhà nước số tiền gốc của các khoản vay, cụ thể: Bị cáo Đỗ Hoàng T phải nộp số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng); bà Lương Thị L phải nộp số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng);

3.2. Buộc bị cáo Đỗ Hoàng T nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 30.583.333đ (ba mươi triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

3.3. Buộc bị cáo Đỗ Hoàng T trả lại cho bà Lương Thị L số tiền thu lợi bất chính 41.800.000đ (bốn mươi một triệu tám trăm nghìn đồng);

3.4 Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 8603686826868 mang tên Đỗ Hoàng T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh BK với số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), để đảm bảo thi hành án (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số: 02/LPT-CSĐT-PC02, ngày 01/6/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn).

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

4.1. Tạm giữ số tiền 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đỗ Hoàng T;

4.2. Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng mặt sau màu đen có chữ “Samsung” đã qua sử dụng, gắn 01 thẻ SIM của bị cáo Đỗ Hoàng T;

4.3. Chuyển lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 07 (bảy) quyển sổ các loại; 01 (một) giấy biên nhận vay tiền tên Lô Xuân Đ, địa chỉ: trường Tiểu học và Trung học cơ sở XD ngày 05/8/2021, số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng); 01 (một) giấy biên nhận vay tiền tên Luân Văn H, địa chỉ: trường TH&THCS XD ngày 05/8/2021, số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); 01 (một) giấy biên nhận vay tiền tên Lưu Ngọc B, địa chỉ: thị trấn YL, huyện NR, tỉnh BK ngày 18/7/2021, số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); 03 (ba) giấy biên nhận vay tiền tên Nông Văn S và Lương Thị L, địa chỉ: thôn NL, xã LT, huyện NR, tỉnh BK ngày 15/11/2018 (vay 30.000.000 đồng), ngày 28/8/2019 (vay 50.000.000 đồng), ngày 08/02/2021 (vay 35.000.000 đồng) kèm theo 02 (hai) tờ giấy đề xuất vay tiền có xác nhận, 01 (một) tờ giấy ghi chép chữ và số;

4.4. Trả cho bị cáo Đỗ Hoàng T: 01 (một) giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 04 ngày 21/7/2020 của Công an huyện NR, tỉnh BK; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 13E8100276 đăng ký lần đầu ngày 04/10/2000.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Hoàng T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương

- Lưu: Hồ sơ, HCTP.